

Bản án số: 654/2025/HC-PT

Ngày 27-5-2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1164/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 239/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1592/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: A N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ liên hệ: Số D T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trương Bình T, sinh năm 1969. Địa chỉ: B H, T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt*)

- Bà Lâm Thị K, sinh năm 1994. Địa chỉ liên hệ: Số D T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Hồng P – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.
2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An: Ông Huỳnh Minh T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An:

- Ông Ngô Trung T2 – Phó Giám đốc Ban quản lý dự án huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)
- Ông Võ Hoàng P1 – Phó Chủ tịch UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)
- Ông Nguyễn Minh K1 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần T3 (Tên cũ: Công ty TNHH MTV T3); Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh V, Trưởng phòng Giải phóng mặt bằng. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1950. Địa chỉ: A N, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K2, sinh năm 1981. Địa chỉ liên hệ: Số D T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Sở Giao thông vận tải tỉnh L. (Vắng mặt)

**Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2023 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Ông Nguyễn Hữu Đ là chủ sử dụng đất tại các thửa đất số 459, mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 3425 mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 12/06/2009 UBND huyện C ban hành quyết định số 5569/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L theo quyết

định này thì thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Hữu Đ 300m² thuộc thửa đất số 3425 tờ bản đồ số 04 mục đích sử dụng đất: nuôi trồng thủy sản.

Ngày 18/12/2012 UBND huyện C ban hành Quyết định số 9438/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp do Công ty TNHH MTV T3 đầu tư trên địa bàn xã L, huyện C, tỉnh Long An, theo đó phê duyệt phương án bồi thường 21/PA-TTPTQĐ lập ngày 04/12/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C.

Ngày 08/12/2015 UBND huyện C ban hành quyết định 8865/QĐ-UBND về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C. Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh mục đích sử dụng đất của thửa đất số 3425, tờ bản đồ số 04 từ đất nuôi trồng thủy sản thành đất ở tại nông thôn.

Thu hồi thửa đất số 459, tờ bản đồ số 04, diện tích 3753m²; mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 17/05/2022 UBND huyện C ban hành quyết định 2890/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ đối với thửa đất số 459 tờ bản đồ số 04 diện tích 3753m² mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản và thửa đất số 3425 tờ bản đồ số 04 có diện tích 300m² mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn.

Ngày 18/11/2022 ông Nguyễn Hữu Đ có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giá bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với thửa đất số 459 và 3425 cùng tờ bản đồ số 4. Tổng diện tích 4053m² tọa lạc tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 22/12/2022 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định số 6914/UBND-NC về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ với nội dung: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định 9438/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 và Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 thì Ủy ban nhân dân huyện C đã áp giá bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và hỗ trợ đối với trường hợp của ông Nguyễn Hữu Đ là đúng theo quy định. Do đó việc ông Nguyễn Hữu Đ khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện xem xét lại giá bồi thường đối với thửa đất số 459 và 3425 tờ bản đồ số 4 là không có cơ sở giải quyết.

Ngày 01/11/2023 (tức gần 11 tháng sau) ông Nguyễn Hữu Đ thông qua người đại diện ủy quyền mới nhận được Quyết định số 6914/UBND-NC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp do Công ty Cổ phần T3 đầu tư trên địa bàn xã L, huyện C, tỉnh Long An (Đính kèm biên nhận).

Ngày 03/11/2023, ông Nguyễn Hữu Đ nhận được Thông báo số 5650/TB-

UBND do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C phát hành thông báo ngày 31/10/2023 về việc Thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ.

Xét thấy, việc ban hành các quyết định hành chính về thu hồi đất, Quyết định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Hữu Đ và Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 2890/QĐ-UBND ngày 17/0 2022 của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Hữu Đ tại dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp do Công ty Cổ phần T3 đầu tư trên địa bàn xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Nay bằng đơn này, ông Đ kính đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu khởi kiện như sau với người bị kiện:

Hủy quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/C5/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L.

Hủy quyết định số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ- UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C.

Hủy Quyết định số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ.

Hủy quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ.

Hủy thông báo số số 5650/TB-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc Thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ

Tại Văn bản số 2991/UBND-NC ngày 05 tháng 06 năm 2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Theo hồ sơ kê biên thu hồi đất trường hợp của ông Đ có diện tích bị thu hồi là 4.103m² đất nuôi trồng thủy sản và đất ở tại nông thôn. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt, ông Đ được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 2.670.046.300 đồng (chưa tính tiền chậm chi trả). Về chế độ tái định cư ông Đ không thuộc đối tượng hỗ trợ tái định cư. Qua các lần tiếp xúc vận động ông Đ (ủy quyền cho bà X) đã đồng ý nhận tiền đối với thửa đất 2634, tờ bản đồ số 4, diện tích 50m² với số tiền là 20.750.000 đồng. Còn 02 thửa đất số 459 và 3425 chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng.

Ngày 19/01/2016 bà Nguyễn Thị X (ủy quyền của ông Đ) đồng ý nhận tiền, bàn giao mặt bằng đối với thửa đất số 2634, tờ bản đồ số 4 với số tiền 20.750.000 đồng.

Ngày 17/7/2021 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phối hợp với UBND xã L, Công ty cổ phần T3 mời ông Đ để tiếp xúc vận động nhận tiền bồi thường. Trong cuộc họp này ông Đ có ý kiến: Về chủ trương ông Đ đã biết Công ty cổ phần T3 đang thực hiện dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp. Tại buổi làm việc Ban quản lý dự án đã trao lại các Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và các quyết định điều chỉnh, tuy nhiên ông Đ không nhận. Ông Đ đề nghị bồi thường 10 tỷ đồng (không hỗ trợ tái định cư) đối với 900m² (thửa số 3065 và thửa số 3470) thuộc giai đoạn 1 và bồi thường 50 tỷ đồng (không hỗ trợ tái định cư) đối với phần diện tích 4.053m² thuộc giai đoạn 2. Đại diện chủ đầu tư có ý kiến: Nếu ông Đ đồng ý nhận tiền thì Công ty xem xét đề xuất UBND huyện thống nhất cho Công ty hỗ trợ ông Đ theo đơn giá bồi thường dự án ĐT 826E.

Ngày 29/01/2021 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phối hợp với UBND xã L, Công ty cổ phần T3 mời ông Đ để tiếp xúc vận động nhận tiền bồi thường. Trong cuộc họp này ông Đ có ý kiến: Ông Đ đề nghị bồi thường 50 tỷ đồng (bao gồm tài sản trên đất, không hỗ trợ tái định cư). Trường hợp đường tỉnh 826E thi công đến phần đất của ông Đ thì ông Đ đồng ý nhận tiền trong phạm vi giải tỏa của ĐT 826E, đồng ý với đơn giá được phê duyệt của ĐT.826E. Đại diện chủ đầu tư có ý kiến: Thống nhất bồi thường, hỗ trợ ngoài phương án đối với diện tích 4.053m² của ông Đ theo đơn giá phê duyệt ĐT.826E đối với đất nông nghiệp là 3.753m² đoạn 50m đầu tiếp giáp đường ấp 3 với đơn giá 9.133.000đ/m² và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm tương ứng với số tiền là 19.499.270.300đ (trong đó bao gồm giá trị bồi thường theo phương án là 2.649.296.300đ).

Ngày 28/10/2021 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phối hợp với UBND xã L, Công ty cổ phần T3 mời ông Đ để tiếp xúc vận động nhận tiền bồi thường. Trong cuộc họp này ông Đ có ý kiến: Ông Đ đề nghị bồi thường 50 tỷ đồng (bao gồm tài sản trên đất, không hỗ trợ tái định cư) thời gian trong năm 2021. Đại diện chủ đầu tư có ý kiến: Thống nhất bồi thường, hỗ trợ ngoài phương án đối với diện tích 4.053m² của ông Đ theo đơn giá phê duyệt ĐT.826E đối với đất nông nghiệp là 3.753m² đoạn 50m đầu tiếp giáp đường ấp 3 với đơn giá 9.133.000đ/m² và hỗ trợ chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm tương ứng với số tiền là 19.499.270.300đ (trong đó bao gồm giá trị bồi thường theo phương án là 2.649.296.300đ).

Qua nhiều lần tiếp xúc vận động nhưng ông Đ không đồng ý nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng. Ngày 17/5/2022 UBND huyện C ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Đ đang sử dụng thửa đất số 459 và thửa đất số 3425.

Việc UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là thực hiện theo đúng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Đ là đúng theo quy định tại khoản 2, điều 1 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T4; khoản 1 Điều 6 Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh L.

Đơn giá bồi thường được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt đơn giá bồi thường để giải phóng mặt bằng xây dựng của dự án. Do đó, yêu cầu về việc điều chỉnh giá bồi thường đền bù của ông Đ theo giá thực tế thị trường hiện nay và được tái định cư ngay vị trí dự án đối với toàn bộ diện tích 350m² đất ở và nhà ở bị thu hồi là không có cơ sở.

Việc UBND huyện ban hành các quyết định thu hồi đất là thực hiện theo đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai; việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với trường hợp của ông Nguyễn Hữu Đ là đúng theo quy định tại Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013 (ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có phiên xét xử vụ kiện hành chính giữa ông Nguyễn Hữu Đ và UBND huyện C, trong đó có nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất. Tại buổi xét xử nêu trên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bác nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C cưỡng chế thu hồi đất).

Việc UBND huyện ban hành Thông báo số 5650/TB-UBND ngày 31/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện C về việc thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ và gửi đến ông Nguyễn Hữu Đ vào ngày 03/11/2023 nhằm để thông báo cho ông Nguyễn Hữu Đ biết thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất

Việc UBND huyện C ban hành Văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ là do ngày 18/11/2022, ông Nguyễn Hữu Đ có ghi đơn với nội dung kiến nghị yêu cầu xem xét lại giá bồi thường. UBND huyện ban hành Văn bản trên nhằm thông tin cho ông Nguyễn Hữu Đ biết việc áp giá bồi thường đối với cá nhân đất bị thu hồi của ông Nguyễn Hữu Đ là đúng theo quy định pháp luật và theo phương án được duyệt. Việc ban hành Văn bản trên là đúng theo khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Đề nghị bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, giữ nguyên Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L, Quyết

định số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND huyện C về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C, Quyết định số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ, Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ, Thông báo số 5650/TB-UBND ngày 31/10/2023 do Chủ tịch UBND huyện C về việc thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ.

Tại các lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P2 có nội dung:

Nguyên ngày 13/11/2023, ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C yêu cầu hủy các Quyết định

1. Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 của UBND huyện C;
2. Quyết định số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND huyện C;
3. Quyết định số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C;
4. Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện C;
5. Thông báo số 5650/TB-UBND ngày 31/10/2023 của UBND huyện C.

Bà Nguyễn Thị P2 là vợ của ông Đ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 213/KH, quyền số 02/2002 ngày 04/12/2002 tại U, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh công nhận hôn nhân có hiệu lực từ năm 1985. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có tạo lập được một số tài sản trong thời kỳ hôn nhân trong đó có quyền sử dụng đất, nhà ở và công trình trên đất tại xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H2268 UBND huyện C cấp ngày 16/10/2006 gồm các thửa: Thửa đất số 3425 tờ bản đồ số 04, diện tích 300m², loại đất ở; Thửa đất số 2634 tờ bản đồ số 04 diện tích 50m², loại đất ONT; Thửa đất 459 tờ bản đồ số 04, diện tích 3,753 m, loại đất nông nghiệp. Tổng diện tích 3 thửa đất trên là 4.103 m. Tài sản trên phần đất nói trên gồm có 01 căn nhà cấp 4, 07 căn nhà trọ và một số tài sản cây cối khác. Trong quá trình sử dụng luôn tuân thủ quy định pháp luật thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

Nay bà P2 mới được biết phần nhà đất của vợ chồng bà P2 bị UBND huyện C ra quyết định thu hồi đất giao cho công ty Cổ phần T3 xây dựng dự án khu thương mại, biệt thự, chung cư cao cấp. Trước đó, trong toàn bộ quá trình hiệp thương, đền bù, giải phóng mặt bằng, cưỡng chế thu hồi đất, bà P2 không nhận được bất kỳ thư mời làm việc nào có liên quan với tư cách là người đồng chủ sở hữu, sử dụng các thửa đất nêu trên, điều đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P2. Bà P2 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ.

Tại các lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ

phần T3 có nội dung: Năm 2023 ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định bồi thường và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã được Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết phúc thẩm, Tòa án đã đình chỉ và không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 239/2024/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An, quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 165 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ vụ án đối với các yêu cầu:

1.1. Hủy quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ.

1.2. Hủy thông báo số 5650/TB-UBND do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc Thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ.

1.3. Hủy quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L.

1.4. Hủy quyết định số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với yêu cầu: Hủy văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch thu ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2024 người khởi kiện ông Nguyễn Hữu Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị P2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: án sơ thẩm nhận định chung chung, không rõ ràng và không nhận định chính thức về các Quyết định hành chính bị kiện. Ngoài ra, trước đây Tòa án nhân dân cấp cao xét xử về yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường có nhận định về thời hiệu khởi kiện các quyết định khiếu nại liên quan đến quá trình thu hồi đất nhưng án sơ thẩm lại không nhận định, không đánh giá mà lại dẫn giải đến kết quả là các quyết định hành chính bị khởi kiện là đúng pháp luật. Như vậy là chưa giải quyết đúng thực chất. Đất của Công ty làm dự án là nhằm mục đích kinh doanh thương mại, không phải vì an ninh quốc phòng nên phải thương lượng với người dân chứ không phải áp dụng giá đất theo giá nhà nước ban hành. Quá trình từ khi ban hành quyết định thu hồi đất đến khi có quyết định bồi thường kéo dài, giá đất có biến động nhưng người dân vẫn đồng ý giao đất, chỉ không đồng ý về giá bồi thường thì việc Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định cưỡng chế là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà P2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: xác định đây là dự án Nhà nước thu hồi để thực hiện kế hoạch phát triển địa phương nên đã tiến hành thủ tục thu hồi, bồi thường để người dân giao đất theo quy định, sau đó mới giao cho nhà đầu tư. Trường hợp của ông Đ cũng đã khởi kiện các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ nhưng yêu cầu không được chấp nhận nên phải thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông Đ không tự nguyện giao đất nên bị ban hành quyết định cưỡng chế sau thời gian các ban ngành địa phương thực hiện vận động, thuyết phục là đúng pháp luật. Ông Đ có gửi đơn kiến nghị nhưng nội dung là kiến nghị xem xét quyền lợi cho người đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông, theo quy định thì đây không phải là đơn khiếu nại do không liên quan đến quyền lợi của ông Đ. Do vậy, UBND huyện có công văn trả lời kiến nghị của người dân mà không xem là giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại. Về chính sách bồi thường và hỗ trợ, ông Đ cũng đã được giải quyết thỏa đáng.

Đối với việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất do thời điểm ban hành năm 2009 thu hồi đất tên người khác, sau khi ông Đ khiếu nại đã điều chỉnh quy chủ cho ông và các thủ tục tiếp theo về thu hồi đất, bồi thường đã được thực hiện đúng quy định.

Do án sơ thẩm đã tuyên xử đúng pháp luật và đúng các tài liệu đã thu thập nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T3 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do quá trình tiến hành thủ tục thu hồi, bồi

thường đã thực hiện đúng pháp luật, đúng chính sách và có hỗ trợ hợp lý cho ông Đ. Ông cũng có yêu cầu thỏa thuận nhưng yêu cầu rất cao, chúng tôi không có khả năng hỗ trợ. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện và bà Nguyễn Thị P2 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Về đối tượng khởi kiện: Các quyết định hành chính trong vụ án đều thuộc đối tượng khởi kiện, riêng Thông báo số 5650/TB-UBND ngày 31/10/2023 là trình tự thủ tục cưỡng chế, không phải văn bản hành chính và không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên không phải là đối tượng khởi kiện.

Về thời hiệu khởi kiện, các quyết định hành chính bị kiện gồm: Quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/6/2009; Quyết định điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015; Quyết định cưỡng chế thu hồi

đất số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 đã được ban hành, thông báo đến ông Đ, tuy không nhận trực tiếp các quyết định này nhưng quá trình công bố quyết định – UBND huyện C đã niêm yết vào năm 2012 và tại các cuộc họp ngày 31/12/2015, 14/11/2017 về việc công bố, trao quyết định và chi trả tiền bồi thường thì ông Đ đều có tham gia và qua công tác vận động ông đã nhận tiền bồi thường một phần vào ngày 19/01/2016; ông cũng tham gia những phiên họp tiếp xúc vận động vào các ngày 17/01/2021, 20/3/2021, 28/10/2021 chứng tỏ ông đã biết các quyết định này. Tuy nhiên, đến ngày 06/11/2023 ông mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Đ rút lại yêu cầu khởi kiện đối với việc hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND và Thông báo số 5650/TB-UBND nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định này cùng với Thông báo số 5650/TB-UBND (do không thuộc đối tượng khởi kiện) là đúng quy định tại điểm c và g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

Như vậy, đối tượng khởi kiện cần giải quyết trong vụ kiện này chỉ còn lại văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn của ông Đ.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã ủy quyền hợp lệ cho đương sự khác tham gia phiên tòa, có đơn xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Hữu Đ yêu cầu hủy Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; Thông báo số 5650/TB-UBND ngày 31/10/2023 do Chủ tịch UBND huyện C ban hành về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ; Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/6/2009 của UBND huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho Công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L; đồng thời yêu cầu hủy văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn của ông Đ. Như nhận định tại phần [1], đối tượng khởi kiện được xem xét trong vụ án này là văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022. Với tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua xem xét trình bày của các đương sự thấy rằng:

Về hình thức, văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Hữu Đ đối với yêu cầu xem xét lại giá bồi thường nhằm thông tin cho ông biết việc áp giá bồi thường đối với trường hợp thu hồi đất của ông là theo phương án đã phê duyệt. Văn bản này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại,

đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Theo hướng dẫn tại phần III, mục 4 Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao: “*Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản bằng hình thức Công văn, Thông báo [...] có nội dung thể hiện diễn biến việc ra quyết định hành chính, quá trình xác minh khiếu nại, từ đó căn cứ các quy định của pháp luật để ra kết luận đối với việc khiếu nại thì xác định văn bản hành chính này là quyết định giải quyết khiếu nại. Văn bản này có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên được xác định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Khi giải quyết vụ án thì Tòa án phải xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính ban đầu*”. Nên văn bản 6914/UBND-NC thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và được ban hành bởi Chủ tịch UBND huyện C là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung của văn bản 6914/UBND-NC: Ông Đ kiến nghị đối với giá bồi thường thể hiện trong Quyết định số 7662/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện C về phê duyệt, điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp do Công ty TNHH Một thành viên T3 trên địa bàn xã L, huyện C. Nội dung này đã được giải quyết bằng Bản án hành chính phúc thẩm số 447/2024/HC-PT ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó xác định UBND huyện C đã ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đ là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định 7662. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên ông Đ yêu cầu hủy văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông Đ, bà P2 kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do đã xét xử không khách quan: Như phân tích trên, quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định và tuyên xử có căn cứ. Ông bà kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên ông Đ, bà P2 là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P2.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 239/2024/HC-ST ngày 20 tháng

9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ:

Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 165 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu:

1.1. Hủy quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 17/05/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Hữu Đ.

1.2. Hủy thông báo số 5650/TB-UBND do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc Thông báo về thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Nguyễn Hữu Đ.

1.3. Hủy quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Hữu Đ để giao cho công ty TNHH T3 đầu tư dự án khu thương mại, biệt thự và chung cư cao cấp tại xã L.

1.4. Hủy quyết định số 8865/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 5569/QĐ-UBND ngày 12/06/2009 của UBND huyện C.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với yêu cầu: Hủy văn bản số 6914/UBND-NC ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện C về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Hữu Đ.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị P2 được miễn.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

